

Số: 61/2024/QĐST- DS

Yên Thành, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày
30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc các
đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý
số: 242/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về
việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự
không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ **Công ty cổ phần M.**(Bên mua nợ của Ngân hàng TMCP V). Địa chỉ:
Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1- Trưởng phòng xử lý nợ
Miền B - Công ty cổ phần M.

Ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Văn T2 - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng C, V1, tòa nhà T, đại lộ L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ
An.

+ Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị V1;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ
Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ Pháp lý.

Ông Đỗ Hoàng L ủy quyền lại cho: ông bà Bùi Thị T3 – Cán bộ Ngân hàng

V

- Bị đơn:

+ Ông Trương Văn T4, sinh năm 1984

+ Bà Cao Thị T5, sinh năm 1987.

Đều trú tại: xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2301118134398 ngày 13/01/2023 và Khế ước nhận nợ kèm theo; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 30/01/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Trương Văn T4, bà Cao Thị T5.

Ngày 31/05/2024, Ngân hàng TMCP V đồng ý bán và Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là “Công ty M”) đồng ý mua một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các văn kiện tín dụng nêu trên ký giữa Ngân hàng TMCP V với ông Trương Văn T4 và bà Cao Thị T5.

+ Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T2(Công ty cổ phần M), bà Bùi Thị T3(Ngân hàng TMCP V); Bị đơn ông Trương Văn T4, bà Cao Thị T5 thống nhất thỏa thuận cụ thể như sau: ông Trương Văn T4, bà Cao Thị T5 phải có nghĩa vụ trả số tiền 3,494,166,351 đồng (Ba tỷ, bốn trăm chín mươi tư triệu đồng một trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi một đồng) cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M; Bao gồm: Nợ thẻ tín dụng: 152,700,769 đồng; Nợ gốc khoản vay: 2,945,996,843 đồng; Nợ lãi quá hạn khoản vay: 381,468,474 đồng; Nợ lãi chậm trả khoản vay: 14,000,264 đồng; Cụ thể trả cho Ngân hàng TMCP V 10% khoản nợ tương ứng với số tiền 334,146,558đ(Ba trăm ba mươi tư triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi tám đồng); Bao gồm: Nợ gốc khoản vay: 294,599,684 đồng; Nợ lãi quá hạn khoản vay: 38,146,847 đồng; Nợ lãi chậm trả khoản vay: 1,283,259 đồng và trả cho Công ty Cổ phần M 90% khoản nợ tương ứng với số tiền 3,160,019,793đ(Ba tỷ một trăm sáu mươi triệu không trăm mười chín nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng); Bao gồm: Nợ thẻ tín dụng: 152,700,769 đồng; Nợ gốc khoản vay: 2,651,397,159 đồng; Nợ lãi quá hạn khoản vay: 343,321,627 đồng; Nợ lãi chậm trả khoản vay: 12,600,238 đồng;

Kể từ ngày 30/10/2024 ông Trương Văn T4, bà Cao Thị T5 phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2301118134398 ngày 13/01/2023 và Khế ước nhận nợ kèm theo; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 30/01/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/01/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Về xử lý tài sản đảm bảo:

Trường hợp ông Trương Văn T4, bà Cao Thị T5 không trả, hoặc trả không đủ khoản nợ trên thì Công ty cổ phần M, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Nghệ An phát mãi tài sản đã thế chấp đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 1264, tờ bản đồ số 16; Địa chỉ xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 650741, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00870 do UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 17/04/2019 cho ông Trương Văn T4 và bà Cao Thị T5 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2301118134398 ngày 13/01/2023 được đăng ký thế chấp ngày 13/01/2023 tại chi nhánh V2 đăng ký đất đai huyện Y, tỉnh Nghệ An để thu hồi nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trương Văn T4, bà Cao Thị T5 đối với Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V trên cơ sở tỷ lệ sở hữu khoản nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T4, bà T5 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V; nếu sau khi thanh toán nghĩa vụ trả nợ còn dư thì ông T4, bà T5 được nhận lại số tiền dư đó.

Khi ông T4, bà T5 thanh toán đủ số nợ gốc, lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An thì Ngân hàng TMCP V có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng thửa đất số 1264, tờ bản đồ số 16; Địa chỉ xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 650741, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00870 do UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 17/04/2019 cho ông Trương Văn T4 và bà Cao Thị T5.

- Án phí: ông Trương Văn T4, bà Cao Thị T5 phải chịu 50.941.663đ(Năm mươi triệu chín trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty M số tiền 45.218.000đ(Bốn mươi lăm triệu hai trăm mười tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003166 ngày 23/10/2024, trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 8.490.000đ(Tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003167 ngày 23/10/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Công Hưng